CATHOLIC BELIEF - 3
TÍN LÝ CÔNG GIÁO - 3

Archdiocese of Galveston-Houston
LoiNhapThe Theological Institute
Instructor: Paul Pham
713-398-1554
giaolygh@gmail.com
Website: http://evangelization.space

Câu hỏi để thảo luận

Are the theories of evolution opposed to the creation story in the Bible? Why?

Các thuyết tiến hóa có trái ngược lại với câu chuyện tạo dựng trong Thánh Kinh không? Tại sao?

What is Theology – Thần Học là gì?

According to Saint Alselm, *theology is:*
faith seeking understanding.

Doing theology:
- needs Faith
- is a process
- is explaining one's Faith Experience

Theo Thánh Alsêmô thì, *thần học là:*
đức tin tìm sự hiểu biết.

Làm thần học:
- cần có Đức Tin
- là một tiến trình
- là giải thích Kinh Nghiệm Đức tin của một người

Truth vs. Opinion – Chân Lý và Ý Kiến

Truth:
- Known objectively
- Unchanged
- Consistent
- Can be deepen

Opinion:
- Known subjectively
- Changeable
- inconsistent

Chân Lý:
- Được biết cách khách quan
- Không thay đổi
- Kiên định
- Có thể được đào sâu

Ý kiến:
- Được biết cách chủ quan
- Có thể thay đổi
- Bất nhất

I believe in God means
Tôi Tin Kính Một Thiên Chúa có nghĩa

- Saying “I believe in God” means founding my life on Him, letting his Word orient me each day, in the concrete choices, without fear of losing something of myself.

  Pope Benedict XVI, 1/23/2013

- Nói rằng “Tôi tin kính một Thiên Chúa” có nghĩa là tìm thấy cuộc sống của tôi trong Ngài, để cho Lời Ngài định hướng tôi mỗi ngày, trong các lựa chọn cụ thể, mà không sợ mất mát một điều gì đó của chính mình.

Why? He is Almighty Father
Tại so? Ngài là Cha Toàn Năng

- He creates, rules and can do everything.
- There is nothing impossible with God.
- He is the Lord of the universe, established orders for it, and they obey Him.
- He is the Lord of history, guides the hearts and events according to His will.

- Ngài tạo dựng, điều khiển và làm được mọi sự.
- Không có gì mà Thiên Chúa không làm được.
- Ngài là Chúa cả vũ trụ, đã thiết lập trật tự cho nó, và trật tự đó luôn luôn quy phục Ngài.
- Ngài làm chủ lịch sử, hướng dẫn các tâm hồn và các biến cố theo ý Ngài.

Why? He is Almighty Father
Tại so? Ngài là Cha Toàn Năng

- He reveals his fatherly omnipotence by taking care of our needs;
- by adapting us
- by his infinite mercy, for he displays his power at its height by freely forgiving all our sins.
- This power is mysterious, especially in confronting evils.

- Quyền năng Ngài tỏ lộ trong việc chăm sóc cho những nhu cầu của chúng ta,
- Nhận chúng ta làm nghĩa tử,
- Khoan dung vô tận, vì Ngài biểu dương quyền năng tới tột đỉnh qua việc Ngài rộng lòng tha thứ mọi tội lỗi chúng ta.
- Quyền năng này thật nhiệm mầu, nhất là trong việc đương đầu với sự dữ.

Our relationship with God

- To love Him whole-heartly
- To know him intimately
- To surrender to Him completely
- I am His and He is mine

We live for the rest of eternity with this relationship.

How to love God and love one another as He Loves us?

- Để yêu Chúa hết lòng
- Để biết Chúa cách mật thiết
- Để phó thác hoàn toàn cho Chúa
- Tôi thuộc về Chúa, Chúa là của tôi

Chúng ta sống cho đến muôn đời với Mối liên hệ này

Làm sao để yêu Chúa và yêu nhau như Ngài yêu ta?

Why I believe?
Tại sao tôi tin?

- We believe in the credibility of Jesus and His Teachings
- Buddhists believe in the credibility of the Buddha and His Teachings
- Chúng ta tin vào sự đáng tin cậy của Chúa Giêsu và Giáo Huấn của Người
- Người Phật Giáo tin vào sự đáng tin cậy của Đức Phật và Giáo Huấn của Ngài.

The Creeds
Các Kinh Tin Kính

- Profession of Faith, Rule of Faith, Symbol of Faith, Obedience of Faith
- Used to safeguard against false teaching and heresy
- Provided the Church a guideline for authentic teaching.
- Tuyên Xưng Đức Tin, Qui Luật Đức Tin, Tín Biểu, Vâng Phục trong Đức Tin
- Dùng để bảo vệ khỏi giáo huấn sai lạc của lạc giáo
- Cung cấp cho Hội Thánh một hướng dẫn về giáo huấn chân chính.

Mục đích của Mặc Khải của Thiên Chúa

- To communicate his own divine life to the men he freely created, in order to adopt them as his sons in his only-begotten Son.
- to make them capable of responding to him, and of knowing him and of loving him far beyond their own natural capacity. (CCC 52)
- Để truyền thông sự sống thần linh của cho loài người mà Ngài đã tự ý tạo dựng, để cho họ được trở nên nghĩa tử trong Con Một của Ngài.
- Thiên Chúa muốn làm cho loài người có khả năng đáp lại Ngài, nhận biết và yêu mến Ngài vượt quá những gì họ có thể làm được tự sức mình. (GLHTCG 52)

1…2…3…4…5 về Lời Chúa

1. One Word
2. Two modes of transmission
3. Three principles
4. Four Senses
5. Five Topics

One Word, Two Modes three rules, four senses and five topics to know God's Word.

1. Một Lời Duy Nhất
2. Hai Cách Lưu Truyền
3. Ba Nguyên Tắc
4. Bốn Nghĩa
5. Năm chủ đề

Một Lời, hai cách ba "T"
Sau là bốn nghĩa, năm đề nhớ luôn.

Catholic Principles of Scripture Interpretation (DV 12)
Các Nguyên Tắc Giải Thích Thánh Kinh của Công Giáo

Three fundamental criteria:

1. Be especially attentive "to the *content and unity* of the *whole* Scripture ; nowadays this is called canonical exegesis;
2. Read the Scripture within "*the living Tradition* of the *whole* Church";
3. Be attentive to the *analogy of faith*. The "analogy of faith" is the coherence of the truths of faith among themselves and within the whole plan of Revelation

Ba tiêu chuẩn nền tảng:

1. Phải chú ý đến "nội dung và tính thống nhất của toàn bộ Thánh Kinh"; ngày nay tiêu chuẩn này được gọi là chú giải theo qui điển (canonical exegesis);
2. Phải đọc Thánh Kinh trong "Truyền thống sống động của toàn thể Hội Thánh";
3. Phải lưu ý đến *loại suy đức tin*. "Loại suy đức tin," là tính chất tương hợp trong toàn bộ nội dung các chân lý đức tin và trong toàn bộ chương trình Mặc Khải.

Senses of Scripture - Các Nghĩa của Thánh Kinh

1. The *literal sense* is the meaning intended by the author.
2. The *spiritual sense* depends on the text, but see them as a signs of a deeper meaning.
   - *allegorical sense* where one event foreshadows another.
   - *moral sense* lead us to act justly.
   - *anagogical sense* helps us to view realities and events in terms of their eternal significance

1. *Nghĩa văn tự* là nghĩa mà tác giả có ý nói đến.
2. Nghĩa *thiêng liêng* tùy thuộc vào bản văn nhưng coi chúng như một dấu chỉ với ý nghĩa sâu xa hơn
   - *nghĩa ẩn dụ* trong đó một biến cố ám chỉ một biến cố khác,
   - *nghĩa luân lý* để dẫn chúng ta đến một cách ăn ở công chính.
   - *nghĩa dẫn đường (thần bí)*, hướng chúng ta về cùng đích trên Trời.

Genesis – Sáng Thế (CCC 289)

Among all the Scriptural texts about creation, the first three chapters of Genesis occupy a unique place.
From a literary standpoint these texts *may have had* diverse sources.

Trong tất cả những lời Thánh Kinh nói về việc tạo dựng, ba chương đầu của sách Sáng Thế có một chỗ đứng độc đáo.
Về phương diện văn chương, những bản văn đó *có thể đã có* nhiều nguồn khác nhau.

Genesis – Sáng Thế (CCC 289)

The inspired authors have placed them at the beginning of Scripture to express in their solemn language:

- the truths of creation,
- its origin and its ultimate end in God,
- its order and goodness,
- the vocation of man, and
- finally the drama of sin and the hope of salvation.

Các tác giả được linh hứng đã đặt các bản văn này ở đầu Sách Thánh để long trọng diễn tả:

- các chân lý về việc tạo dựng,
- nguồn gốc và cùng đích của nó trong Thiên Chúa,
- trật tự và sự tốt lành của nó,
- ơn gọi của con người, và
- cuối cùng thảm kịch tội lỗi và niềm hy vọng cứu độ.

Genesis - Sáng Thế (CCC 289)

Read in the light of Christ, within the unity of Sacred Scripture and in the living Tradition of the Church, these texts remain the principal source for catechesis on the mysteries of the “beginning”: creation, fall, and promise of salvation.

Các lời này, được đọc dưới ánh sáng của Đức Kitô, trong sự thống nhất của Thánh Kinh, và trong Truyền Thống sống động của Hội Thánh, vẫn là nguồn chính yếu cho việc dạy giáo lý về những mầu nhiệm của “lúc khởi đầu”: việc tạo dựng, sự sa ngã, lời hứa ban ơn cứu độ.

Genesis - Sáng Thế 1

In the beginning, God created the heavens and the earth.
The earth was without form and void,
darkness was upon the face of the deep,
the Spirit of God was moving over the face of the waters.

Lúc khởi đầu Thiên Chúa sáng tạo trời đất.
Đất còn trống rỗng,
Bóng tối bao trùm vực thẳm,
Thần khí Thiên Chúa bay lượn trên mặt nước.

Genesis - Sáng Thế 1

Then God said,
Let there be light,
and there was light.
God saw how good the light was.
……
Thus evening came, and morning followed
the first day.

Thiên Chúa phán:
"Phải có ánh sáng.“
Liền có ánh sáng.
Thiên Chúa thấy rằng ánh sáng tốt đẹp.
……
Qua một buổi chiều và một buổi sáng:
đó là ngày thứ nhất.

1st Creation Account - Genesis 1:1 – 2:4

- God as unique author of creation – by God’s Word
- Orderly creation: 3 days separate and 3 days populate
  1. Day and Night (time)
  2. Sea and Sky (space)
  3. Land and Vegetation (life)
  4. Sun, moon
  5. Fish and Birds
  6. Man and animals

- TC như tác giả duy nhất của việc tạo dựng – bằng Lời Chúa
- Tạo dựng có trật tự - 3 ngày chia ra và 3 ngày làm đầy
  1. Ngày và Đêm (thời gian)
  2. Biển và Trời (không gian)
  3. Đất và cỏ cây (sự sống)
  4. Mặt trời, mặt trăng
  5. Cá và Chim
  6. Con người và thú vật

6 Days of Creation

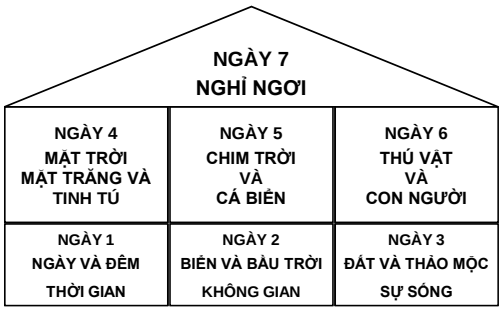

1st Creation Account - Genesis 1:1 – 2:4

- Sabbath: day celebrate
- Goodness of creation
- Special place of humanity in creation
- All existent beings, all of nature, and all human history are rooted in this primordial event, the very genesis by which the world was constituted and time begun.

- Ngày Thứ Bảy: ngày ăn mừng
- Sự tốt lành của thụ tạo
- Địa vị đặc biệt của con người trong việc tạo dựng
- Tất cả mọi hữu thể hiện hữu, toàn bộ thiên nhiên, toàn thể lịch sử nhân loại đều bắt nguồn từ biến cố đầu tiên đó: quả vậy, đây là khởi điểm, qua đó trần gian được hình thành và bắt đầu thời gian.

Importance of the Sabbath

- Day Sanctified to the Lord – God and Creator of the Universe
- Day of companionship
- Day of rest and relaxation
- Day we show our trust in God.

- Ngày Thánh hiến cho Chúa – Thiên Chúa và Đấng Tạo Hóa của vũ trụ
- Ngày của tình thân hữu
- Ngày nghỉ ngơi và xả hơi thư dãn
- Ngày chứng tỏ lòng tín thác vào TC của chúng ta.

The mystery of creation (295-301)

- God created the world according to his wisdom from his free will.
- He wanted to make his creatures ***share in his being, wisdom and goodness***.
- He creates everything out of nothing.

- Thiên Chúa dựng nên thế giới theo sự khôn ngoan và từ ý chí tự do của Ngài.
- Ngài muốn cho thụ tạo ***chia sẻ sự sống, sự khôn ngoan và tốt lành của Ngài***.
- Ngài dựng nên mọi sự từ nhưng không

The mystery of creation (295-301)

- Because God creates through wisdom,
  - his creation is ordered
  - ***destined for man***, who is created in the "image of God" and called to a personal relationship with God
  - God is infinitely greater than all his works
- Bởi vì Thiên Chúa tạo dựng qua sự khôn ngoan,
  - Việc tạo dựng có trật tự
  - ***Có ý cho con người***, được dựng nên theo "hình ảnh Thiên Chúa" và được mời gọi để liên hệ với Thiên Chúa.
  - Thiên Chúa chắc chắn là cao trọng hơn tất cả công trình của Ngài.

The mystery of creation (295-301)

- But because He is the first cause,
  - God is present to his creatures' inmost being.
  - God does not abandon his creatures to themselves.
  - We depend on God every moment of our life.
- Nhưng vì Ngài là nguyên nhân đầu tiên,
  - Thiên Chúa hiện diện trong tận nội tâm các thụ tạo.
  - Thiên Chúa không bỏ mặc các thụ tạo.
  - Chúng ta lệ thuộc vào Thiên Chúa từng giây phút của cuộc đời mình.

Divine Providence - Sự Quan Phòng của TC (302-324)

- Creation was created in a state of journeying toward an ultimate perfection to which God has destined it.
- ***Divine Providence*** is ***the dispositions*** by which God guides his creation toward this perfection.
- Thụ tạo được dựng nên trong một tiến trình đi đến tình trạng hoàn mỹ cuối cùng mà Thiên Chúa đã định cho nó.
- ***Sự Quan Phòng của Thiên Chúa*** là ***sự xắp đặt*** mà qua đó Thiên Chúa hướng dẫn thụ tạo của Ngài đến hoàn hảo.

Divine Providence - Sự Quan Phòng của TC (302-324)

- God cares for all, from the least things to the great events of the world and its history.
- Jesus asks us to trust the providence of our heavenly Father as children trusting their parents.
- Thiên Chúa chăm sóc cho tất cả, từ những vật nhỏ nhất đến những biến cố của thế giới và lịch sử của nó.
- Chúa Giêsu yêu cầu chúng ta tin tưởng vào sự quan phòng của Cha Trên Trời như con cái tin tưởng vào cha mẹ.

Divine Providence - Sự Quan Phòng của TC (302-324)

- To carry out his plan God makes use of his creatures' co-operation.
- God is the ***first cause*** who operates in and through secondary causes.
- A creature cannot attain its ultimate end without the help of God's grace.
- Để thực hiện kế hoạch của Ngài, Thiên Chúa dùng sự hợp tác của thụ tạo.
- Thiên Chúa là ***nguyên nhân đầu tiên*** hoạt động trong và qua những nguyên nhân phụ.
- Một thụ tạo không thể đạt được cùng đích nếu không có ân sủng của Thiên Chúa.

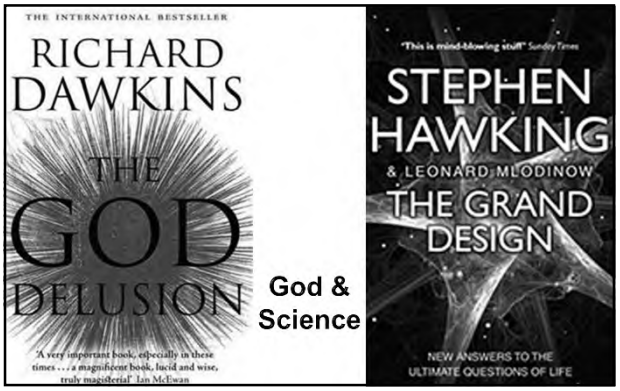

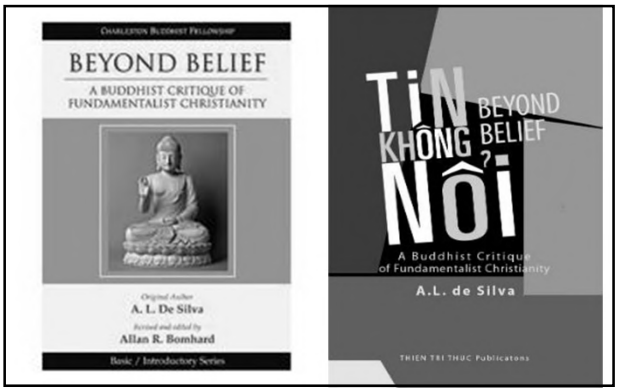

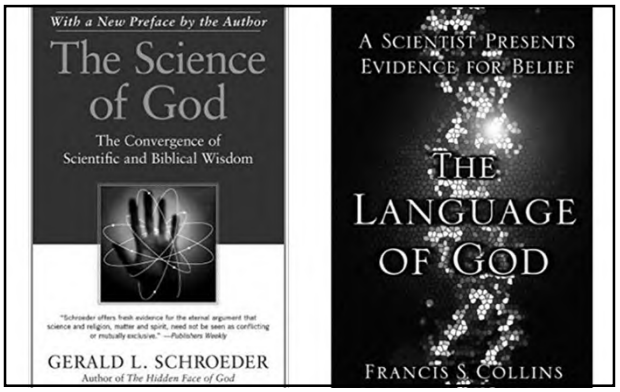

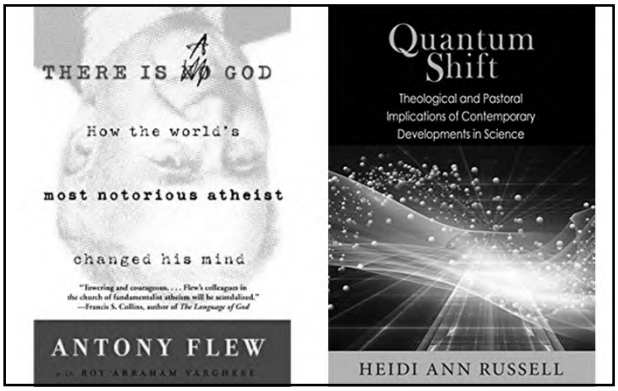

Heaven and Earth - Trời và Đất

- The Scriptural expression "heaven and earth" means all that exists, creation in its entirety. The earth is the world of men. The heaven can designate God's own “place”, and also refers to the saints and the “place” of the angels (325-327).
- Thánh Kinh diễn tả “trời và đất” có nghĩa là tất cả những gì hiện hữu, toàn thể thụ tạo. Đất là thế giới của loài người. Trời có thể được coi là “nơi cư ngụ” riêng của chính Thiên Chúa, và cũng được coi là “chỗ ở” của các thánh và các thiên sứ (325-327).

All Things Visible - Muôn Vật Hữu Hình

- Visible
  - God himself created the visible world in all its richness, diversity and order. Scripture presents the work of the Creator symbolically as a succession of six days of divine "work", concluded by the "rest" of the seventh day.
- Hữu hình
  - Chính Thiên Chúa đã dựng nên thế giới hữu hình và tất cả sự sung mãn, đa dạng và trật tự của nó. Thánh Kinh trình bày công việc của Tạo Hóa cách biểu tượng như sáu ngày “làm việc” của Thiên Chúa, kết thúc bằng việc “nghỉ ngơi” vào ngày thứ bảy.

and Invisible và Vô Hình

- Invisible
  - The existence of the spiritual, non-corporeal beings that Sacred Scripture usually calls "angels" is a truth of faith.
- Everything things created by God is good.
  - The Church rejected the teaching that matter is evil.
- Vô Hình
  - Sự hiện hữu của các hữu thể thiêng liêng, không có thể xác mà Thánh Kinh thường gọi là “thiên sứ" là một chân lý của đức tin.
- Tất cả mọi sự được Thiên Chúa dựng nên đều tốt.
  - Hội Thánh đã không chấp nhận giáo huấn rằng vật chất là điều xấu.

The Angels - Các Thiên Sứ

- A *truth of faith*.
- *servants* and messengers of God.
- purely *spiritual* creatures with intelligence and will.
- personal and immortal creatures, surpassing in perfection all visible creatures
- Christ is their center.
- They are *his* angels. They belong to him because they were created *through* and *for* him.

- Một *chân lý đức tin*
- *Các đầy tớ* và and sứ thần của Thiên Chúa.
- Những thụ tạo thuần *tinh thần* với trí khôn và ý chí.
- Những thụ tạo có cá thể và bất tử, hoàn toàn hơn tất cả các thụ tạo hữu hình.
- Đức Kitô là trung tâm của họ.
- Họ là các thiên sứ *của Người*. Họ thuộc về Người vì họ được dựng nên *bởi* Người và *cho* Người.

Then God said: "*Let us make man in our image*, after our likeness. Let them have dominion over the fish of the sea, the birds of the air, and the cattle, and over all the wild animals and all the creatures that crawl on the ground." *God created man in his image; in the divine image he created him; male and female he created them.* God blessed them, saying: "Be fertile and multiply; fill the earth and subdue it. Have dominion over the fish of the sea, the birds of the air, and all the living things that move on the earth…." And so it happened. God looked at everything he had made, and *he found it very good*. Evening came, and morning followed--the sixth day.

Thiên Chúa phán: "Chúng ta hãy làm ra con người theo hình ảnh chúng ta, giống như chúng ta, để con người làm bá chủ cá biển, chim trời, gia súc, dã thú, tất cả mặt đất và mọi giống vật bò dưới đất." *Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh mình, Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh Thiên Chúa, Thiên Chúa sáng tạo con người có nam có nữ.* Thiên Chúa ban phúc lành cho họ, và Thiên Chúa phán với họ: "*Hãy sinh sôi này nở thật nhiều, cho đầy mặt đất, và thống trị mặt đất.* Hãy làm bá chủ cá biển, chim trời, và mọi giống vật bò trên mặt đất." Thiên Chúa thấy mọi sự Người đã làm ra quả là rất tốt đẹp! Qua một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ sáu. (Gen 1:26-31)

2 Creation Accounts – 2 Chuyện Tạo Dựng

Genesis 1 and 2 record two accounts of Creation. These are not two conflicting accounts, they are complementary accounts with different emphases.

- In Genesis 1, God the Creator makes a cosmic home or temple for himself. His final creation –man and women- he makes in his image, and he calls them to imitate him (1:28)
- In Genesis 2 God works as Father. He lovingly fashions man from the dirt of the earth, breathes life into him, creates a garden paradise for him and creates a spouse for him from his very side. God commands man to "till…and keep" the garden (2:15) a call to priestly sacrifice in the garden sanctuary.
- Adam is God's royal firstborn son, the high priest of humanity.

Sáng Thế 1 và 2 ghi lại hai tường thuật về Tạo Dựng. Đây không phải là hai tường thuật trái ngược nhau, chúng là những tường thuật bổ túc cho nhau nhưng nhấn mạnh khác nhau.

- Trong Sáng Thế 1, Thiên Chúa Tạo Hoá dựng nên một ngôi nhà vũ trụ hay một đền thờ cho chính Ngài. Thụ tạo cuối cùng của Ngài – người nam người nữ - Ngài tạo nên theo hình ảnh Ngài, và mời gọi họ bắt chước Ngài (1:28)
- Trong Sáng Thế 2, Thiên Chúa làm việc như người Cha, yêu thương hình thành con người từ bụi đất, thổi sự sống vào ông, tạo nên một vườn địa đàng cho ông và dựng nên một người vợ cho ông. Thiên Chúa truyền cho ông "canh tác… và canh giữ" vườn (2:15) một ơn gọi vào chức tư tế dâng hy lễ trong cung thánh là vườn.
- Ông Adam là hoàng tử trưởng của Thiên Chúa và thượng tế của nhân loại.

39

Second Creation Account - *Genesis 2-3*

- Closeness of God to humanity – has the very breath (spirit) of God within.
- Dominance of humanity over rest of creation.
- Relational character of humanity.

Fall

- Desire to be independent of God
- Results in alienation, from God, self, and others
- Sin becomes a part of the human condition to which all future humanity is subjected.

- Sự gần gũi của Thiên Chúa với nhân loại – có chính hơi thở (thần khí) của Thiên Chúa trong mình.
- Con người có quyền làm chủ các thụ tạo khác.
- Đặc tính biết liên hệ của nhân loại.

Sa ngã

- Ước muốn độc lập với Thiên Chúa
- Hậu quả là trở nên xa lạ với Thiên Chúa, chính mình, và tha nhân
- Tội lỗi trở nên một phần của thân phận con người mà mọi thế hệ con người tương lai đều phải chịu.

Creation of Humans
Tạo Dựng Con Người

Man occupies a unique place in creation:
- he is created "in the image of God";
- in his own nature he unites the spiritual and material worlds;
- he is created "male and female";
- God established him in his friendship (355).

Con người giữ một địa vị độc nhất trong chương trình tạo dựng vì:
- Được dựng nên "theo hình ảnh của Thiên Chúa";
- Trong chính bản tính của họ, họ kết hợp thế giới thiêng liêng với thế giới vật chất;
- Thiên Chúa dựng nên họ "có nam có nữ";
- Thiên Chúa đã thiết lập tình bằng hữu với họ (355)

Image of God (356-361)
Hình Ảnh Thiên Chúa

Being created in the *image of God = dignity* of a person. He is capable of
- self-knowledge,
- self-possession and
- freely giving himself and entering into communion with other persons.

Được tạo dựng theo *hình ảnh Thiên Chúa = có phẩm giá* của một cá vị. Họ có khả năng
- tự biết mình,
- tự làm chủ mình và
- Tự do tự hiến mình và bước vào sự hiệp thông với những người khác.

Image of God (356-361)
Hình Ảnh Thiên Chúa

- God created everything for man,
- but man in turn was created to serve and love God and to offer all creation back to him.
- In reality it is only in the mystery of the Word made flesh that the mystery of man truly becomes clear.

- Thiên Chúa đã tạo dựng mọi sự cho con người,
- Còn con người được tạo dựng để phụng sự và yêu mến Thiên Chúa và dâng hiến mọi thụ tạo lại cho Ngài.
- Thực ra chỉ trong mầu nhiệm Ngôi Lời Nhập thể mà mầu nhiệm về con người mới thật sự được trở nên rõ ràng.

One Body and Soul
Có một Linh Hồn và Thân Xác

Man has soul and body
- The "soul" signifies the *spiritual principle* in man.
- The human body ***shares in the dignity*** of "*the image of God*". It is animated by a spiritual soul.

Con người có linh hồn và xác
- "Linh hồn" là *nguyên lý thần linh* trong con người.
- Thân xác con người ***chia sẻ phẩm giá*** của "*hình ảnh Thiên Chúa*". Nó được sinh động hoá bởi một linh hồn thiêng liêng.

One Body and Soul
Có một Linh Hồn và Thân Xác

- Every spiritual soul is created immediately (at conception) by God, and is immortal.
- After death, it will be reunited with the body at the final resurrection.

- Mỗi linh hồn thiêng liêng được tạo dựng ngay (lúc thụ thai) bởi Thiên Chúa và bất tử.
- Sau khi chết, nó sẽ tái hợp với thân xác trong cuộc sống lại sau hết.

Equality - Man/Woman
Sự Bình Đẳng – Người Nam/Nữ

- By creating man and woman, God willed each for the other in marriage.
- By transmitting human life, man and woman cooperate in a unique way in the Creator's work.
- They have responsibility for the world God has entrusted to them.

- Qua việc dựng nên người nam và nữ, Thiên Chúa muốn họ sống cho nhau trong hôn nhân.
- Qua việc truyền thông sự sống con người, người nam và nữ hợp tác một cách đặc biệt vào việc tạo dựng.
- Họ có trách nhiệm đối với thế giới mà Thiên Chúa đã trao phó cho họ.

Man in Paradise (374-379)
Con Người trongVườn Địa Đàng

- The first man was created in an original *"state of holiness and justice"*, was "to share in. . . divine life".
- As long as he remained in the divine intimacy, man would not have to suffer or die.
- They lived in harmony with each other and all creation.

- Con người đầu tiên được dựng nên trong *"tình trạng thánh thiện và công chính nguyên thủy"*, để chia sẻ sự sống của Thiên Chúa.
- Bao lâu họ ở lại trong sự mật thiết với Thiên Chúa, thì họ không đau khổ và chết.
- Họ sống trong sự hòa hợp với nhau và với tất cả các thụ tạo.

Religious Truths of Genesis 1&2

There is only one God *The Babylonians had many gods*	**Chỉ có một Thiên Chúa** *Người Babylon có nhiều thần*
This one God created everything. *Different pagan gods created different things*	**TC duy nhất này dựng nên mọi sự** *Mỗi thần của ngoại giáo dựng nên những sự vật khác nhau*
Everything God created is good. *Evil pagan gods created evil things.*	**Mọi sự được TC dựng nên đều tốt** *Thần dữ của ngoại giáo dựng nên sự dữ*
Humans are created with great dignity – in God's image. *In pagan religions, humans are the servants of the gods.*	**Con người được dựng nên với nhân phẩm cao cả - hình ảnh Thiên Chúa.** *Trong tôn giáo dân ngoại, con người là tôi tớ của các thần minh.*
God did not create evil. *He created us with free will – a good thing. Evil is the free human choice to pervert the good things God has made.*	**TC không dựng nên sự dữ.** *Ngài dựng nên ta với ý chí tự do – một điều tốt. Sự dữ do chọn lựa tự do của con người để làm hỏng những gì Thiên Chúa dựng nên*